

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 174 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 11 năm 2020

V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Quý

2. Ông Mai Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 179/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/QĐXX-ST ngày 09/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N ; Sinh năm 1990

Nơi cư trú: Phố NT, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trương Tuấn T ; Sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn T , xã TỐ, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị N trình bày:

Chị N và anh T tự do tìm hiểu khoảng 01 năm thì lấy nhau, tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 2016 và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã TỐ huyện B T ngày 05 tháng 9 năm 2018. Sau khi lấy nhau cuộc sống bình thường được một

thời gian thì mâu thuẫn với nhau về kinh tế và vợ chồng cũng hiếm muộn con chung. Chị N đã đi khám nhưng anh T không cùng thăm khám để có phương án, kế hoạch con chung. Chị N cảm thấy chán nản và vô vọng rồi tình cảm vợ chồng nhạt phai. Bản thân anh T không quan tâm, thờ ơ trong khi kết quả thăm khám của chị N khó khăn trong việc có con. Chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh T và mong muốn ly hôn giải thoát cho cả hai.

Về con chung : Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Anh Trương Tuấn T trình bày: Về hôn nhân như chị N trình bày là đúng, nhưng cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế, anh T không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ.

Về con chung : Không có

Tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, con chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được mong muốn ly hôn để giải thoát cho nhau.

Ý kiến anh T tại phiên tòa: Về hôn nhân, công nhận chị N trình bày là đúng, nhưng còn do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu nên vợ chồng mới căng thẳng thêm. Nay chị N cương quyết ly hôn anh T níu kéo không có kết quả nên chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Các đương sự trình bày : Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2.] *Về hôn nhân*: Chị N và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. Anh chị tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T Ổ, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa năm 2018 nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh T đã ly thân. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Trương Tuấn T

[4].*Về con chung*. Không có

Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu giải quyết

[5]. *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng:

-Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

-*Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N . Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Trương Tuấn T .

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng áp phí chị Nhân đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2019/0007445 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Án sơ thẩm có có mặt các đương sự, Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn,

.....

- Lưu

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên